

XI. PHẨM BHIKKHĀDĀYĪ (BHIKKHĀDĀYĪVAGGO)

101. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA (*Bhikkhādāyakattherāpadānaṃ*)

1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiển Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái.

1612. Tôi đã dâng lên một muống thức ăn đến bậc Đại Ấn Sĩ Siddhattha, đáng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy.

1613. Trong lúc đức Phật, đáng Quyển Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đến tôi.

1614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn.

1615. Trước đây tám mươi bảy kiếp, chính bảy vị có tên Mahāreṇu là các đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1616. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhikkhādāyaka” là phần thứ nhất.

102. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA (*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1617. Đức Phật, bậc Đại Ấn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātanga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chấp tay lên và đã đánh lễ đáng Siddhattha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1620. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật].

1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñāṇasañña¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasañña” là phần thứ nhì.

103. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI **(Uppalahatthittherāpadānaṃ)**

1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha.

1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước đây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Malla; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật.

1626. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama.

1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Uppalahatthiya” là phần thứ ba.

104. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA **(Padapūjakattherāpadānaṃ)**

1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ.

1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đáng Chánh Đẳng Giác.

1631. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ Ñāṇasañña nghĩa là “vị suy tường (sañña) về trí tuệ (ñāṇa) của đức Phật.”

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padapūjaka” là phần thứ tư.

105. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPUPPHIYA

(Muṭṭhipupphiyattherāpadānaṃ)

1634. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đáng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu.

1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn.

1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipupphiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipupphiya” là phần thứ năm.

106. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA

(Udakapūjakattherāpadānaṃ)

1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.

1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đáng Bi Mẫn, bậc Ân Sĩ đã tiếp nhận.

1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1642. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lặc, [người ấy] không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.”

1643. Do việc làm ấy ở nơi đáng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

² Padapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) ở bàn chân (pada).”

³ Muṭṭhipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến số bông hoa (puppha) ở năm tay (muṭṭhi).”

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka” là phần thứ sáu.

107. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA *(Naḷamāliyattherāpadānaṃ)*

1646. Đức Phật Padumuttara, đáng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tịnh như thế ấy đã ngồi xuống ở tâm thâm cò.

1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đáng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1648. Đáng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này:

1649. “Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tự y như thế, mong rằng tâm người được giải thoát khỏi ba loại lửa.”

1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí chủ được hoan hỷ.

1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ, đã nói lên những lời kệ này:

1652. “Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata.

1653. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương có tên là Māluta.

1654. Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do tính chất đầy đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp.”

1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Māluta.

1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

**“Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya” là phần thứ bảy.
 (Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).**

108. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPAṬṬHĀPAKA *(Āsanūpaṭṭhāpakattherāpadānaṃ)*

1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiếng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy.

⁴ Udakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) nước (udaka).”

⁵ Naḷamāliya nghĩa là “vị liên quan đến tràng hoa (mālā) sậy (naḷa).”

1658. Tôi đã cầm lấy một nắm tràng hoa và đã đi nhiều quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch.

1660. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử.

1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly Sannibbāpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka” là phần thứ tám.

109. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA

(Biḷālidāyakattherāpadānaṃ)

1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá].

1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallātaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, biḷālī và takkala.

1665. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Nguru đi đến, tôi đã dâng lên củ biḷālī và đã đặt vào trong bình bát.

1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ, bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này:

1668. “Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, người đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta, người không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.”

1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1670. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1671. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁶ Āsanūpaṭṭhāpaka nghĩa là “vị thiết lập (upaṭṭhāpaka) bảo tọa (āsana) sư tử.”

Đại đức Trưởng lão Bīlālidāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bīlālidāyaka” là phần thứ chín.

110. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO REṆUPŪJAKA

(Reṇupūjakattherāpadānaṃ)

1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thánh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī.

1674. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bột phấn hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-ly tên Reṇu, là đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1676. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

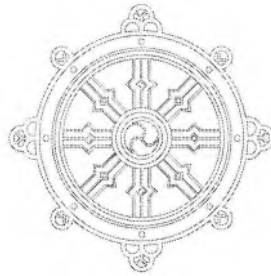
Đại đức Trưởng lão Reṇupūjaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Reṇupūjaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng thức ăn, vị suy tưởng về trí tuệ, vị liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vị phục vụ, vị dâng cúng củ bīlālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ.

Phẩm Bhikkhādāyī là phẩm thứ mười một.



⁷ Bīlālidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây bīlālī.”

⁸ Reṇupūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) bột phấn hoa (reṇu).”

XII. PHẨM MAHĀPARIVĀRA (MAHĀPARIVĀRAVAGGO)

111. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA

(*Mahāparivārattherāpadānaṃ*)

1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru đã đi vào thành Bandhuma cùng với sáu mươi tám ngàn vị.

1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tựa như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Indra.

1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tám vải. Tôi đã đề đầu đánh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ân Sĩ.

1681. “Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rung động.”

1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rờn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đức Phật, đáng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín và đã dâng cúng tám vải đến bậc Đạo sư, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đến nương nhờ [đức Phật].

1684. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vị tên Suvāhana, là các đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mahāparivāra” là phần thứ nhất.

112. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṆGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

1687. Đáng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

¹ Mahāparivāra nghĩa là “vị có đoàn tùy tùng (parivāra) đông đảo (mahā).”

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương.

1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay.

1690. Đức Phật đang chói sáng tựa như mặt trời, đang tỏa sáng tựa như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài].

1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp.

1692. “Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷ.”

1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đáng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đâu-suất.

1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala” là phần thứ nhì.

113. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA

(Saraṇagamanīyattherāpadānaṃ)

1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn loạn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên.

1697. Đáng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bị dao động.

1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đánh lễ đáng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú.

1699. Biết được ý định của chúng tôi, Ngài đã cất cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đáng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn:

1700. “Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sống, do sự sân hận ấy của tâm [người này] sanh vào địa ngục.

1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các người hãy làm tâm của mình được tịnh lặng, chớ có giết hại lần này lần khác.”

1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đáng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

1703. Bạc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc.

1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahā Dundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāraṇagamanīya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sāraṇagamanīya” là phần thứ ba.

114. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (*Ekāsaniyattherāpadānaṃ*)

1707. Lúc bảy giờ, tôi đã là vị Thiên vương tên Varuṇa. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác.

1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1711. Được hài lòng với nghiệp của mình, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên.

1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi.

1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-ly tên là Subāhu, [các vị ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật.

1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsaniya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekāsaniya” là phần thứ tư.

² Sāraṇagamanīya nghĩa là “vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y.”

³ Ekāsaniya nghĩa là “vị liên quan đến một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*).”

115. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆAPUPPHIYA**(*Suvaṇṇapupphiyattherāpadānaṃ*)**

1716. Đức Thế Tôn tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngụ, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng.

1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đáng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng.

1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la.

1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chấp tay lên. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy.

1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đánh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình.

1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đâu-suất.

1722. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đáng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya” là phần thứ năm.

116. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA**(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)**

1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đáng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn.

1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa.

1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đánh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đáng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

⁴ *Suvaṇṇapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến đóa hoa (*puppha*) bằng vàng (*suvaṇṇa*).”

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1730. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1732. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka” là phần thứ sáu.

117. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA

(Buddhasaññakattherāpadānaṃ)

1733. Lúc bấy giờ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rung động.

1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rung động.

1735. Khi chỗ ngụ bị rung động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì?

1736. [Thiên vương] Vessavaṇa đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: “Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chú, bình tĩnh.”

1737. “Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rung động.”

1738. Sau khi đã tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện.

1739. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1740. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka” là phần thứ bảy.

⁵ Citakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) lễ hỏa táng (citaka).”

⁶ Buddhasaññaka nghĩa là “vị suy tưởng (saññaka) về đức Phật (buddha).”

118. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA (*Maggasaññakattherāpadānaṃ*)

1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thánh vẫn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quần tợ như những người mù.

1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn.

1744. Từ chỗ ngủ, tôi đã bước xuống và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy.

1745. Do việc làm ấy ở nơi đáng Chứa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggasaññaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Maggasaññaka” là phần thứ tám.

119. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASEÑÑAKA (*Paccupatthānaseññakattherāpadānaṃ*)

1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đáng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng.

1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đáng Hữu Nhân đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải.

1750. Vị Thánh vẫn tên Sāgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]:

1751. “Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Ngươi người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đức Phật ban phát cho tất cả.

1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đáng Chiến Thắng.”

1754. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Sāgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

⁷ *Maggasaññaka* nghĩa là “vị suy tưởng (*saññaka*) về con đường (*maggā*).”

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Bhūripaṇṇa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaṇṇaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaṇṇaka” là phần thứ chín.

120. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (*Jātipūjakattherāpadānaṃ*)

1758. Khi đấng Vipassī đang dẫn sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rung động.

1759. Và các nhà tiên tri đã dự báo rằng: “Đức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng.”

1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường dẫn sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường dẫn sanh.

1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường dẫn sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường dẫn sanh.

1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường dẫn sanh.

1764. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dẫn sanh.

1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka” là phần thứ mười.

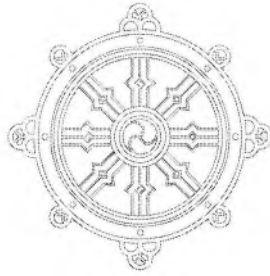
⁸ Paccupaṭṭhānasaṇṇaka nghĩa là “vị suy tưởng (*saṇṇaka*) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (*paccupaṭṭhāna*).”

⁹ Jātipūjaka nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nhài (*jāti*).”

Phân tóm lược

Vị có tùy tùng, vị Sumaṅgala, vị nương nhờ, vị có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vị có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Mahāparivāra là phẩm thứ mười hai.



XIII. PHẨM SEREYYAKA (*SEREYYAKAVAGGO*)

121. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (*Sereyyakattherāpadānaṃ*)

1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1768. Bậc Đại Ân Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātanga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa ấy] quay quần ở khắp nơi.

1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che bằng bông hoa ở xung quanh đã rải rắc ở đấng Nhân Ngưu.

1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất.

1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rờn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1773. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sereyyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sereyyaka” là phần thứ nhất.

122. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (*Pupphathūpiyattherāpadānaṃ*)

1776. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Ở trung tâm của ngọn núi ấy có vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật sinh sống.

¹ Sereyyaka nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa sereyya.”

1777. Có năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vị ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật.

1778. “Hỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hào tướng và tám mươi tướng phụ, có vàng hào quang tợ như mặt trời chiếu sáng.”

1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã rời khu ẩn cư và hỏi những người học trò phương hướng về khu vực mà đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ.

1780. Tôi đã lễ bái phương hướng ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy.

1781. “Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng.”

1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ.

1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: “Đức độ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?”

1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vị đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi.

1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chấp tay lên và đã đánh lễ bậc Đạo Sư.

1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ân Sĩ, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vị Sát-đế-ly [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatāsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphathūpiya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pupphathūpiya” là phần thứ nhì.

² Pupphathūpiya nghĩa là “vị liên quan đến ngôi bảo tháp (thūpa) bằng bông hoa (puppha).”

123. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA**(Pāyāsadāyakattherāpadānaṃ)**

1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la.

1792. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng, tôi đây đã chuẩn bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực.

1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung.

1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rờn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đánh lễ [đức Phật] Vipassī.

1795. “Bạch đáng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đáng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhận.”

1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đáng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đáng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận.

1797. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa.

1798. Trước đây bốn mươi một kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-ly tên Buddha, là đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāyāsadāyaka” là phần thứ ba.

124. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA**(Gandhodakiyattherāpadānaṃ)**

1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lầu đài, tôi đã nhìn thấy đáng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

1801. Đáng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lầu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời.

1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1803. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

³ Pāyāsadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) món cơm sữa (pāyāsa).”

1804. Trước đây ba mươi một kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya” là phần thứ tư.

125. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA

(Sammukhāthavikattherāpadānaṃ)

1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: “Đức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian.

1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rung động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguồn ánh sáng bao la, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngưng chảy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1812. Và vị nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thổi, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1813. Và vị nào trong khi đản sanh tất cả châu báu đã rực sáng, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhân [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phật.”

1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đánh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1817. [Kể từ khi] tôi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhāthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Paṭhavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1820. Trước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Obhāsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Agginibbāpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vātasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Padavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1827. Trước đây tám mươi một kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Girisāra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sammukhāthavika⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sammukhāthavika” là phần thứ năm.

126. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA

(Kusumāsaniyattherāpadānaṃ)

1830. Tôi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhaññavatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà, tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật.

1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ, tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ.

1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu hội chúng Tỳ-khuru đi đến, trong lúc làm cho tắt cả các phương rực sáng.

1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

⁴ Sammukhāthavika nghĩa là “vị đã ngự ca (thavika) trực tiếp ở trước mặt (sammukhā).”

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi.

1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ, đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1837. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Varadassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kusumāsaniya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kusumāsaniya” là phần thứ sáu.

127. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA

(Phaladāyakattherāpadānam)

1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp.

1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây.

1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khát thực Ngài đã đi đến gần tôi.

1843. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi.

1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1845. “Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyên lực của tác ý, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.”

1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaṅgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka” là phần thứ bảy.

⁵ Kusumāsaniya nghĩa là “vị liên quan đến chỗ ngồi (āsana) bằng bông hoa (kusuma).”

⁶ Phaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala).”

128. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA**(Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ)**

1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng:

1850. “Về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ.

1851. Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất.”

1852. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện.

1853. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1855. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka” là phần thứ tám.

129. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA**(Gandhapupphiyattherāpadānaṃ)**

1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thánh văn, đã rời khỏi tu viện.

1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đáng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tầm Tôi, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm.

1858. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đáng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đánh lễ đức Như Lai lần nữa.

1859. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1860. Trước đây bốn mươi một kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Carāṇa, là đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1861. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁷ Ñāṇasaññaka nghĩa là “vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật.”

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya” là phần thứ chín.

130. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA

(Padumapūjakattherāpadānaṃ)

1862. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại.

1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư.

1864. “Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.”

1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: “Xin vâng”, rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: “Các người chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc.”

1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy.

1868. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1869. [Trước đây] năm mươi một kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vị [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vị [dâng cúng] trái cây, vị suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

⁸ Gandhapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) có mùi thơm (*gandha*).”

⁹ Padumapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) hoa sen hồng (*paduma*).”

XIV. PHẨM SOBHITA

(SOBHITAVAGGO)

131. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (*Sobhitattherāpadānaṃ*)

1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo.

1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chấp tay lên và có sự chăm chú.

1872. “Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tự y như thế, những người nào vận hành năng lực của tâm, những người ấy không đạt được một phân trí tuệ của đức Phật.”

1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đáng Bi Mẫn, bậc Ân Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru và đã nói lên những lời kệ này:

1874. “Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đáng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1875. [Người ấy] sẽ thiêu đốt các phiền não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita.”

1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sobhita” là phần thứ nhất.

132. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (*Sudassanattherāpadānaṃ*)

1879. Ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Thế Gian.

1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được nở hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đáng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1881. “Bạch đức Phật tối thượng, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy.”

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1883. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1884. Trước đây mười ba kiếp, mười hai vị [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sudassana” là phần thứ nhì.

133. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA

(*Candanapūjakattherāpadānaṃ*)

1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điều ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tự y như vậy, có y phục là bông hoa.

1887. Và đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tựa như chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1888. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng.”

1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già.

1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiên Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1891. Sau khi đánh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1892. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vị [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Candanapūjaka” là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ tám).

¹ *Candanapūjaka* nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) trầm hương (*candana*).”

134. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA**(*Pupphachadaniyattherāpadānaṃ*)**

1895. Là vị giảng huấn, gắn bó với sự hiến cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng.

1896. Khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bì Mẫn, bậc Ân Sĩ, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung.

1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn.

1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thả [các bông hoa] lên không trung.

1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày.

1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian.

1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaramsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pupphachadaniya” là phần thứ tư.

135. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA**(*Rahosaññakattherāpadānaṃ*)**

1902. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vasabha. Ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập.

1903. Khi ấy, là vị Bà-la-môn, tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên.

1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài].

1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tầm thảm bằng lá. Sau khi xếp vào tư thế kiết-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1906. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

² *Pupphachadaniya* nghĩa là “vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa (*puppha*).”

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rahosañña³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Rahosañña” là phần thứ năm.

136. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA

(Campakapupphiyattherāpadānaṃ)

1909. [Đức Phật] ngồi ở trong vùng đồi núi tựa như cây kaṇikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tựa như vì sao osadhī.

1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau.

1911. Có bảy bông hoa đã bị rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū.

1912. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulābha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1914. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya” là phần thứ sáu.

137. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA

(Atthasandassakattherāpadānaṃ)

1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoáng rừng rộng, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1916. “Một trăm ngàn vị có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quay quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?”

1917. Ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tín?

1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?”

³ Rahosañña nghĩa là “vị suy tường (sañña) về nơi thanh vắng (raho).”

⁴ Campakapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka.”

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara.

1920. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka” là phần thứ bảy.

138. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĀDANIYA

(Ekapasādanīyattherāpadānaṃ)

1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Mẫn có tâm từ ái, bậc Hữu Nhân ấy thuyết giảng giáo pháp.

1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chấp tay ở đầu. Sau khi đánh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đấng Chuyển Luân Vương tên Amittatāpana có oai lực lớn lao.

1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapasādanīya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekapasādanīya” là phần thứ tám.

139. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA

(Sālapupphadāyakattherāpadānaṃ)

1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1929. “Vị này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, người giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hầu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu?”

1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sāla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng.

1931. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

⁵ Atthasandassaka nghĩa là “vị chỉ dạy (sandassaka) về ý nghĩa, mục đích (attha).”

⁶ Ekapasādanīya nghĩa là “vị liên quan đến việc một lần (eka) có được đức tin (pasādana).”

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapupphadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sālapupphadāyaka” là phần thứ chín.

140. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA

(Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ)

1934. Lúc bảy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī.

1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Tể Của Loài Người thì tôi không có.

1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru đã thọ nhận.

1937. Kể từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hương Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1938. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vị [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1940. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sobhita, vị Sudassana, [vị dâng cúng] trầm hương, [vị dâng cúng] mái che bằng bông hoa, vị suy tưởng về nơi thanh vắng, vị có bông hoa campaka, cùng với vị chỉ dạy về mục đích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sāla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

⁷ Sālapupphadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) bông hoa (puppha) sālā.”

⁸ Piyālaphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) piyāla.”

XV. PHẨM CHATTA (*CHATTAVAGGO*)

141. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA (*Atichattiyattherāpadānaṃ*)

1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết-bàn, tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che.

1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1944. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atichattiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Atichattiya” là phần thứ nhất.

142. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA (*Thambhāropakattherāpadānaṃ*)

1945. Khi đứng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết-bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng.

1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thūpasikkhara đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thambhāropaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Thambhāropaka” là phần thứ nhì.

¹ *Atichattiya* nghĩa là “vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (*atichatta*).”

² *Thambhāropaka* nghĩa là “vị dựng lên (*āropaka*) cây cột (*thambha*).”

143. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA**(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)**

1950. Khi đăng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viên rào bằng ngọc trai.

1951. Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viên rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viên rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Maṇippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka” là phần thứ ba.

144. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA**(*Saparivāriyattherāpadānaṃ*)**

1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn.

1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng.

1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy.

1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samatta, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1960. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saporivāriya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Saporivāriya” là phần thứ tư.

145. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA**(*Ummāpupphiyattherāpadānaṃ*)**

1961. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bàn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

³ Vedikāraka nghĩa là “vị thực hiện (*kāraka*) viên rào (*vedi*).”

⁴ Saporivāriya nghĩa là “vị liên quan đến nhóm tùy tùng (*parivāra*) của mình (*sa*).”

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ân Sĩ Siddhattha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên ngôi bảo tháp.

1963. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp.

1964. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1965. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya” là phần thứ năm.

146. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA

(Anulepadāyakattherāpadānaṃ)

1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassī. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét.

1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassī, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1968. “Do việc làm về vôi bột này và do các nguyên lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ đau.”

1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1971. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka” là phần thứ sáu.

147. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA

(Maggadāyakattherāpadānaṃ)

1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy.

1973. Tôi đã cầm lấy cuộc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đánh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

1974. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

⁵ Ummāpupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) ummā.”

⁶ Anulepadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) vữa để tô trét (anulepa).”

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người.

1976. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Maggadāyaka” là phần thứ bảy.

148. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA

(Phalakadāyakattherāpadānaṃ)

1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tám ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến Đấng Quyển Thuộc Của Thế Gian.

1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng.

1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiểu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyền; điều này là quả báo của tám ván gỗ.

1980. [Kể từ khi] tôi đã dâng tám ván gỗ trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám ván gỗ.

1981. Trước đây năm mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Nimmita đã là các Đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phalakadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Phalakadāyaka” là phần thứ tám.

149. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṬAṂSAKIYA

(Vaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ)

1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn.

1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trở hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt Đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1985. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmita đã là các Đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1987. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṭṭasakīya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vaṭṭasakīya” là phần thứ chín.

150. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAṆKADĀYAKA

(Pallaṅkadāyakattherāpadānaṃ)

1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi.

1990. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành.

1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiếp, ba người [cùng] tên Suvannābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

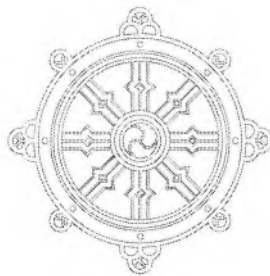
Đại đức Trưởng lão Pallaṅkadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pallaṅkadāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vị liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đường đi, vị dâng cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghế bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lăm.



⁷ Vaṭṭasakīya nghĩa là “vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vaṭṭasaka).”

⁸ Pallaṅkadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) chiếc ghế bành (pallaṅka).”

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA (*BANDHUJĪVAKAVAGGO*)

151. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA

(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

1993. [Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời.

1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong số các đáng đang tiếp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đáng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī.

1996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Tể Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đáng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka” là phần thứ nhất.

152. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA

(*Tambapupphiyattherāpadānaṃ*)

1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng.

2000. Sau khi nhìn thấy giống cây đã được trở hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bò-đề.

2001. Sau khi quét dọn cội cây Bò-đề là giống cây pāṭalī tối thượng ấy, tôi đã xếp chân vào tư thế kiết-già và ngồi xuống ở gốc cội cây Bò-đề.

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ-đề tôi thương.

2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đánh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuống ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu bằng nhiều cây thốt nốt.

2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susaṇṇata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya” là phần thứ nhì.

153. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA

(Vīthisammajjakattherāpadānaṃ)

2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm.

2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Nguru.

2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trưng lên lá cờ ở tại nơi ấy.

2010. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ.

2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja.

2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vīthisammajjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vīthisammajjaka” là phần thứ ba.

154. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA

(Kakkārupūjakattherāpadānaṃ)

2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

2014. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

¹ Tambapupphiya nghĩa là “vị liên quan bông hoa (*puppha*) màu nâu đỏ (*tamba*).”

² Vīthisammajjaka nghĩa là “vị quét dọn (*sammajjaka*) con đường (*vīthi*).”

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2016. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kakkārupūjaka” là phần thứ tư.

155. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA *(Mandāravapūjakattherāpadānaṃ)*

2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava và đã dâng lên đức Phật.

2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai.

2019. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapūjaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka” là phần thứ năm.

156. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA *(Kadambapupphiyattherāpadānaṃ)*

2022. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Bảy vị Phật Đốc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy.

2023. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trở hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bằng cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật.

2024. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2025. Trước đây chín mươi hai kiếp, bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

³ Kakkārupūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) bông hoa kakkāru.”

⁴ Mandāravapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) bông hoa mandārava.”

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya” là phần thứ sáu.

157. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLA

(Tiṇasūlakattherāpadānaṃ)

2027. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagaṇa. Ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc.

2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tiṇasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp.

2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharaṇīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlaka” là phần thứ bảy.

158. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA

(Nāgapupphiyattherāpadānaṃ)

2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đồi núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình.

2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rờn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua.

2035. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh.

2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya” là phần thứ tám.

⁵ Kadambapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba.”

⁶ Tiṇasūlaka nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa tiṇasūlaka.”

⁷ Nāgapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga.”

159. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA**(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)**

2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trở hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật.

2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2041. [Trước đây] chín mươi một kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya” là phần thứ chín.

160. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA**(*Kumudadāyakattherāpadānaṃ*)**

2043. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trắng.

2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suốt, rành rẽ về phước và tội.

2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên.

2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ân Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận.

2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, tám vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Varuṇa này đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2049. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudadāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kumudadāyaka” là phần thứ mười.

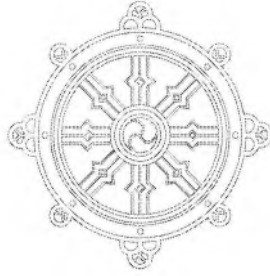
⁸ *Punnāgapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga.”

⁹ *Kumudadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) hoa súng trắng (*kumuda*).”

Phần tóm lược

Vị [có hoa] bandhujīvaka, vị có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường đi, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tiṇasūla, vị có hoa nāga, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.



XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA (SUPĀRICARIYAVAGGO)

161. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA (*Supāricariyattherāpadānaṃ*)

2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Tể Của Loài Người, đáng Nhân Nguru, bậc Hữu Nhân tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp.

2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ân Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét.

2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài].

2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Samalaṅkata, là đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supāricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Supāricariya” là phần thứ nhất.

162. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆAVERAPUPPHIYA (*Kaṇaverapupphiyattherāpadānaṃ*)

2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru dẫn đầu các vị Thánh văn, đã bước đi ở trong thành phố.

2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Thế Gian.

2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kaṇavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều lần ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa.

2059. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahiddhika đã là các đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2061. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇaverapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kaṇaverapupphiya” là phần thứ nhì.

163. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA

(Khajjakadāyakattherāpadānaṃ)

2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được.

2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ân Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn.

2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khajjakadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Khajjakadāyaka” là phần thứ ba.

164. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA

(Desapūjakattherāpadānaṃ)

2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, Ngài bay lên bầu trời và di chuyển bằng đường không trung.

2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy.

2069. [Kể từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng].

2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desapūjaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Desapūjaka” là phần thứ tư.

¹ Kaṇaverapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇavera.”

² Khajjakadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực để nhai (*khajjaka*).”

³ Desapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) khoảnh đất, vùng đất (*desa*).”

165. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀṆIKĀRACCHADANIYA (*Kaṇikāracchadaniyattherāpadānaṃ*)

2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày.

2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bông hoa kaṇikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2074. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vị Sát-đế-ly [cùng] tên Soṇṇābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāṇikāracchadaniya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kāṇikāracchadaniya” là phần thứ năm.

166. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA (*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đáng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, Ngài [đã] đi ở trên đường.

2078. Theo tuân tự, đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lấy bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dầu ăn.

2079. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka” là phần thứ sáu.

167. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA (*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Tự Chủ ở tại nơi ấy tựa như cây sāla chúa đã được trở hoa.

⁴ Kāṇikāracchadaniya nghĩa là “vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa kaṇikāra.”

⁵ Sappidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*).”

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yūthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2084. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya” là phần thứ bảy.

168. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA

(Dussadāyakattherāpadānaṃ)

2087. Lúc bảy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarā đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tịnh.

2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta.

2090. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tể của loài người tên Parisuddha, có oai lực lớn lao.

2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dussadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dussadāyaka” là phần thứ tám.

169. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA

(Samādapakattherāpadānaṃ)

2093. Ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong số họ, và họ là các cộng sự viên của tôi.

2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về công việc phước thiện: “Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đến hội chúng là phước điền tối thượng.”

⁶ Yūthikāpupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) yūthika.”

⁷ Dussadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tấm vải (dussa).”

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: “Tốt lắm”, và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] “Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī.”

2096. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa.

2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Ādeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Samādapaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Samādapaka” là phần thứ chín.

170. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAṄGULIYA

(Pañcaṅgulyattherāpadānaṃ)

2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an trú [thiền quả] đang đi vào hương thất.

2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2101. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcaṅguliya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pañcaṅguliya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kaṇavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kaṇikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yūthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Supāricariya là phẩm thứ mười bảy.

⁸ *Pañcaṅguliya* nghĩa là “vị liên quan đến 1 nhúm 5 (*pañca*) ngón tay (*aṅgula*).”

XVIII. PHẨM KUMUDA (KUMUDAVAGGO)

171. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA

(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2104. Ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quý sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao.

2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trở hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy.

2106. Về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đáng Nhân Nguru, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

2107. Và khi bậc Toàn Giác, vị Trời Của Chư Thiên, đáng Nhân Nguru đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng.

2109. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya” là phần thứ nhất.

172. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NISSEṆIDĀYAKA

(*Nisseṇidāyakattherāpadānaṃ*)

2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lầu đài của đức Thế Tôn Koṇḍañña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

¹ Kumudamāliya nghĩa là “vị liên quan đến tràng hoa (māla) kumuda.”

2114. [Trước đây] ba mươi một ngàn kiếp, ba vị vua [cùng] tên Sambahula đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nissenidāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nissenidāyaka” là phần thứ nhì.

173. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA

(Rattipupphiyattherāpadānaṃ)

2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Cửa Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu.

2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trở hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng lên bậc Đại Ân Sĩ.

2118. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Rattipupphiya” là phần thứ ba.

174. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA

(Udapānadāyakattherāpadānaṃ)

2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khát thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài.

2122. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái giếng.

2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udapānadāyaka” là phần thứ tư.

² Nissenidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cầu thang (nisseṇi).”

³ Rattipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (māla) nở vào ban đêm (ratti).”

⁴ Udapānadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cái giếng (udapāna).”

175. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA**(*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)**

2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đáng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử.

2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-bàn.

2126. Sau khi đánh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka” là phần thứ năm.

176. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA**(*Maggadattikattherāpadānaṃ*)**

2129. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đáng Nhân Nguru đã đi kinh hành ở ngoài trời nhằm sự thoả mái [cho cơ thể] trong thời hiện tại.

2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu.

2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2132. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Maggadattika” là phần thứ sáu.

177. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara.

2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn.

2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candābha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

⁵ *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*).”

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.
Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya” là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA

(Maṇipūjakattherāpadānaṃ)

2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phần bên dưới của núi Hy-mã-lạp.
Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy.

2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2139. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2140. Và trước đây mười hai kiếp, tám vị vua [cùng] tên Sataraṃsi ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.
Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka” là phần thứ tám.

179. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA (Tikicchakattherāpadānaṃ)

2142. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau.

2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vô cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh.

2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hữu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka.

2145. Kể từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikicchaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tikicchaka” là phần thứ chín.

⁶ Ekadīpiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) ngọn đèn (dīpa).”

⁷ Tikicchaka nghĩa là “vị thầy thuốc”.

180. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṄGHUPAṬṬHĀKA (*Saṅghupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng.

2149. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2150. Trước đây vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

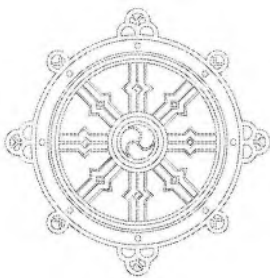
Đại đức Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông súng trắng, rồi vị có cầu thang, giống cây nở hoa về đêm, vị dâng cúng giếng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vị y sĩ, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ.

Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.



⁸ *Saṅghupaṭṭhāka* nghĩa là “vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) hội chúng (*saṅgha*).”

XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA (KUTAJAPUPPHIYAVAGGO)

181. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung.

2153. Sau khi nhìn thấy cây kuṭaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa.

2154. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya” là phần thứ nhất.

182. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiên định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi.

2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh.

2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] Siddhattha.

2160. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

¹ *Kuṭajapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja.”

2161. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao.

2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka” là phần thứ nhì.

183. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬUMBARIYA

(Koṭumbariyattherāpadānaṃ)

2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tựa như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tựa như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la.

2164. Tương tựa như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

2165. Sau khi lấy ra bảy bông hoa đã được che phủ bằng tấm vải mịn, tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyển Thuộc Của Thế Gian.

2166. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahānala, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koṭumbariya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Koṭumbariya” là phần thứ ba.

184. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA

(Pañcahatthiyattherāpadānaṃ)

2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thánh vãn.

2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cầm [các bông hoa] lên.

2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phố chợ, được chiếu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

² Bandhujīvaka nghĩa là “vị có bông hoa bandhujīvaka.”

³ Koṭumbariya nghĩa là “vị liên quan đến tấm vải mịn koṭumbara.”

2172. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vị được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya” là phần thứ tư.

185. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA

(Isimuggadāyakattherāpadānaṃ)

2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thịnh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa.

2178. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị dọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Isimuggadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Isimuggadāyaka” là phần thứ năm.

186. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPAṬṬHĀKA

(Bodhi-upaṭṭhākattherāpadānaṃ)

2181. Tôi đã là người sử dụng chiếc trống con ở thành phố Rammavatī. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị dọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp.

2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Muraja, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2184. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁴ Pañcahatthiya nghĩa là “vị liên quan đến năm (pañca) bó (hattha) hoa.”

⁵ Isimuggadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) đậu tây (isimugga).”

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upatthāka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bodhi-upatthāka” là phần thứ sáu.

187. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA (*Ekacintikattherāpadānaṃ*)

2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2186. “Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bị dao động cho đến hết cuộc đời.”

2188. “Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2189. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh.”

2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: “Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.”

2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: “Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?”

2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi.

2193. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đánh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2195. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacintika⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekacintika” là phần thứ bảy.

188. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANṆṬIPUPPHIYA

(*Tikaṇṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã nhớ đến đức Phật tối thượng.

⁶ Bodhi-upatthāka nghĩa là “vị phục vụ (upatthāka) cội cây Bồ-đề (bodhi).”

⁷ Ekacintika nghĩa là “vị có một lần (eka) suy nghĩ (cintika).”

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikaṇṇi, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Nguru.

2199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya” là phần thứ tám.

189. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA (*Ekacāriyattherāpadānaṃ*)

2202. Lúc bảy giờ, đã xảy âm thanh âm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi rằng: “Đức Phật Niết-bàn ở thế gian, và chúng ta vẫn còn tham ái.”

2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nổi niềm chán động, đã bị chiếm hữu bởi mũi tên sâu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

2204. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava mềm mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn.

2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiếp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacāriya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekacāriya” là phần thứ chín.

190. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIVAṆṬIPUPPHIYA

(*Tivaṇṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

2208. Bị [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ấy đang tham thiền, họ đã có sự bức bối khởi lên.

2209. Lúc bảy giờ, vị có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassī đã đi đến gặp tôi.

2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng lên vị Thinh văn.

⁸ Tikaṇṇipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tikaṇṇi.”

⁹ Ekacāriya nghĩa là “vị có một lần (*eka*) hành xử (*cāriya*).”

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp.

2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vị [cùng] tên Dhūmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2213. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

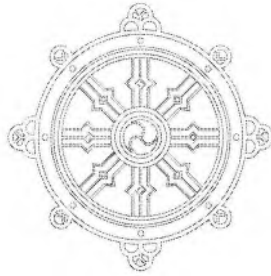
Đại đức Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kuṭaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa koṭumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikaṇṇi, vị có một lần hành xử, bông hoa tivaṇṭi; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Kuṭajapupphiya là phẩm thứ mười chín.



¹⁰ Tivaṇṭipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tivaṇṭi.”